

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	34,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	3.0%	-6.0%

DT thuần	2024	5,871	YoY ▲ 424 ▲ 7.8%
		tỷ VNĐ	

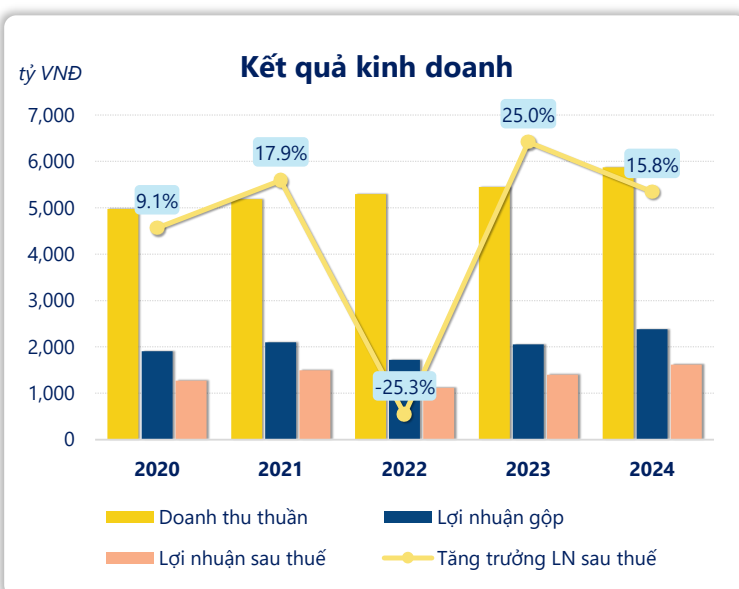
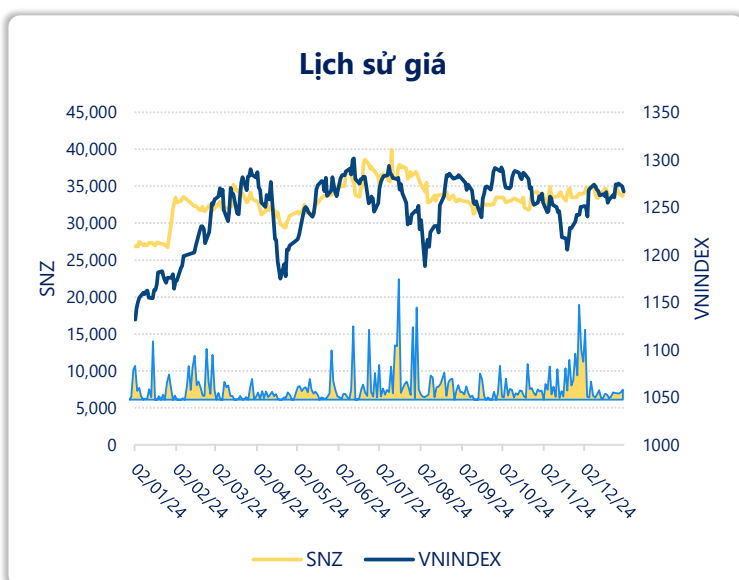
LN gộp	2024	2,381	YoY ▲ 329 ▲ 16.0%
		tỷ VNĐ	

LN thuần	2024	1,954	YoY ▲ 324 ▲ 19.8%
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	1,619	YoY ▲ 221 ▲ 15.8%
		tỷ VNĐ	

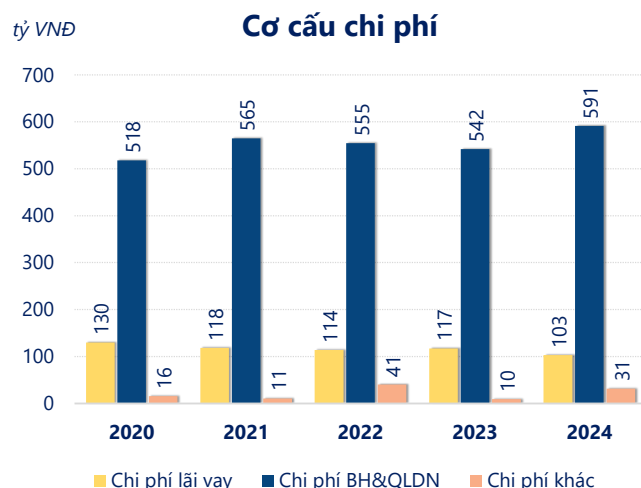
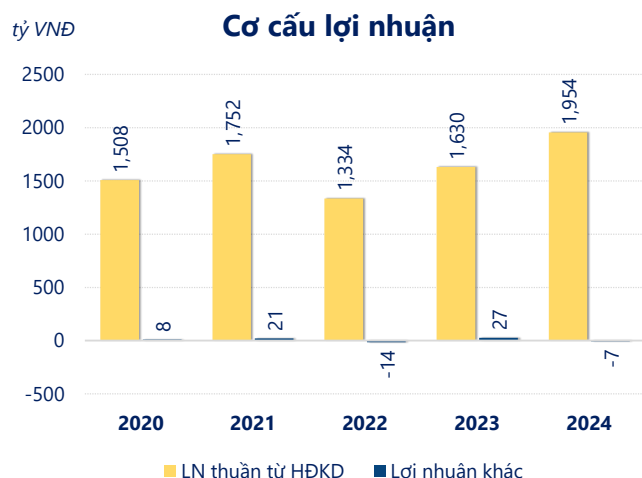
ROE	2024	9.2%	+/- YoY ▲ 0.7%
-----	------	------	-------------------

ROA	2024	4.4%	+/- YoY ▲ 0.7%
-----	------	------	-------------------



Năm **2024**, **SNZ** ghi nhận doanh thu thuần **5,871** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1,619** tỷ đồng, lần lượt **tăng 7.79%** và **tăng 15.8%** so với năm trước.

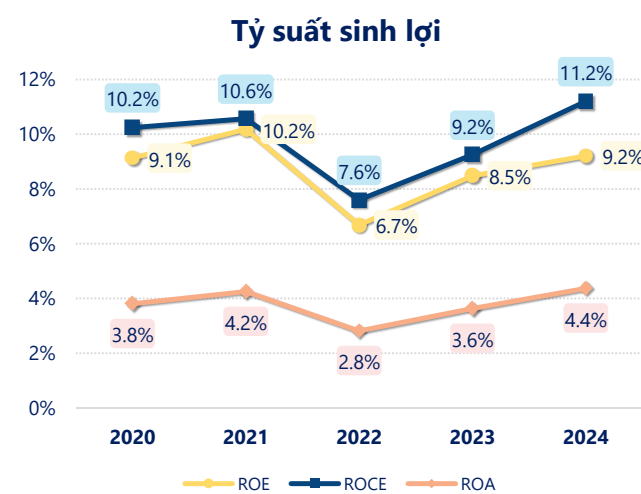
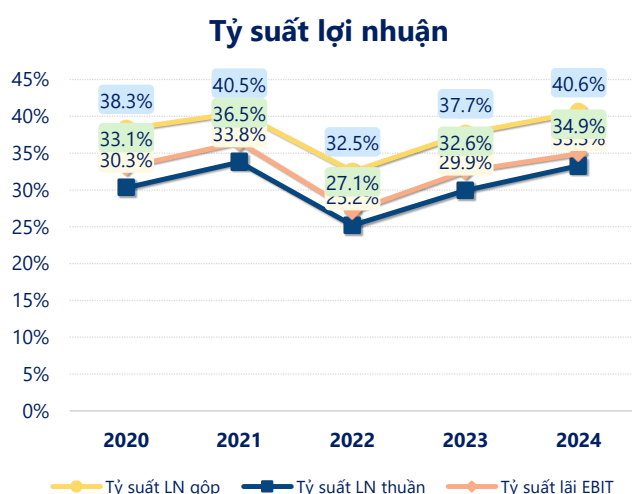
Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **9.21%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.



Năm **2024**, **SNZ** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1,954** tỷ đồng, **tăng lên 323.6** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1,636 tỷ đồng) là 318.4 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **103.0** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **591.3** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **31.43** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

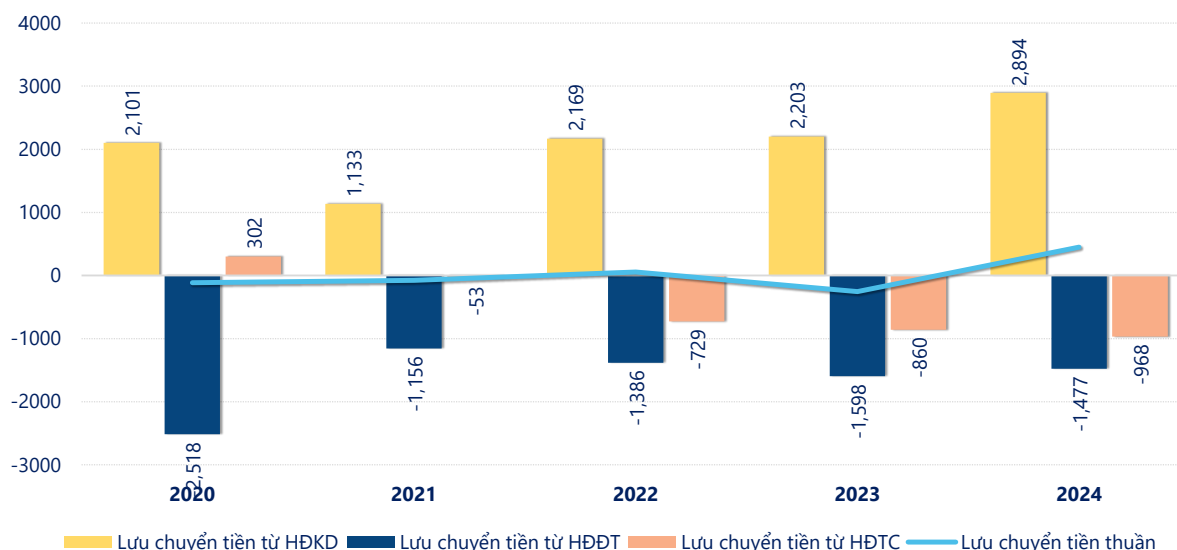
ROE của SNZ năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **9.21%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	4,975	5,187	5,293	5,447	5,871
Giá vốn hàng bán	3,070	3,087	3,572	3,395	3,490
Lợi nhuận gộp	1,905	2,100	1,721	2,052	2,381
Doanh thu HĐTC	338	344	304	264	190
Chi phí TC	218	121	139	162	112
Chi phí lãi vay	130	118	114	117	103
LN trong công ty LKLD	1.84	-6.89	2.46	17.9	86.6
Chi phí bán hàng	113	120	122	109	120
Chi phí QLDN	405	445	433	433	471
LN thuần từ HĐKD	1,508	1,752	1,334	1,630	1,954
Lợi nhuận khác	8.19	20.9	-14.3	27.2	-7.21
LN trước thuế	1,516	1,773	1,320	1,658	1,947
Lợi nhuận sau thuế	1,270	1,498	1,119	1,398	1,619
LNST của CĐ cty mẹ	737	902	628	833	968

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SNZ bằng **448.7** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-255.4 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **2,894** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1,477** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-967.9** tỷ đồng.